

BẢNG GIÁ BIẾN TẦN FUJI ELECTRIC



FRENIC-MULTI SERIES			FRENIC-ACE SERIES					
MÃ HÀNG	CÔNG SUẤT MOTOR (kW)	ĐƠN GIÁ (VND)	MÃ HÀNG	CÔNG SUẤT MOTOR (kW)				ĐƠN GIÁ (VND)
Nguồn điện áp cung cấp: 1 Pha 200-240V 50/60Hz Ngõ ra điện áp: 3 Pha 200-240V 50/60Hz			Nguồn điện áp cung cấp: 3 Pha 380-480V 50/60Hz Ngõ ra điện áp: 3 Pha 380-480V 50/60Hz					
FRN0.1E1S-7A	0.1	6,788,000		ND	HD	HND	HHD	
FRN0.2E1S-7A	0.2	7,875,000	FRN0002E2S-4GB	0.75	0.75	0.75	0.4	8,480,000
FRN0.4E1S-7A	0.4	8,199,000	FRN0004E2S-4GB	1.5	1.1	1.1	0.75	9,260,000
FRN0.75E1S-7A	0.75	9,208,000	FRN0006E2S-4GB	2.2	2.2	2.2	1.5	10,350,000
FRN1.5E1S-7A	1.5	10,186,000	FRN0007E2S-4GB	3	3	3	2.2	11,936,000
FRN2.2E1S-7A	2.2	12,135,000	FRN0012E2S-4GB	5.5	5.5	5.5	3.7	13,936,000
Nguồn điện áp cung cấp: 3 Pha 380-480V 50/60Hz Ngõ ra điện áp : 3 Pha 380-480V 50/60Hz			FRN0022E2S-4A	11	7.5	7.5	5.5	16,933,000
FRN0.4E1S-4A	0.4	9,417,000	FRN0029E2S-4A	15	11	11	7.5	21,468,000
FRN0.75E1S-4A	0.75	10,042,000	FRN0037E2S-4A	18.5	15	15	11	25,477,000
FRN1.5E1S-4A	1.5	11,448,000	FRN0044E2S-4A	22	18.5	18.5	15	31,117,000
FRN2.2E1S-4A	2.2	12,765,000	FRN0059E2S-4A	30	22	22	18.5	38,954,000
FRN3.7E1S-4A	3.7	15,533,000	FRN0072E2S-4A	37	30	30	22	50,152,000
FRN5.5E1S-4A	5.5	19,357,000	FRN0085E2S-4A	45	37	37	30	63,184,000
FRN7.5E1S-4A	7.5	21,034,000	FRN0105E2S-4A	55	45	45	37	82,437,000
FRN11E1S-4A	11	28,280,000	FRN0139E2S-4A	75	55	55	45	89,399,000
FRN15E1S-4A	15	33,136,000	FRN0168E2S-4A	90	75	75	55	124,313,000
Nguồn điện áp cung cấp: 3 Pha 200-240V 50/60Hz Ngõ ra điện áp: 3 Pha 200-240V 50/60Hz			FRN0203E2S-4A	110	90	90	75	140,474,000
FRN0.2E1S-2A	0.2	6,855,000	FRN0240E2S-4A	132	110	110	90	175,789,000
FRN0.4E1S-2A	0.4	7,595,000	FRN0290E2S-4A	160	132	132	110	216,610,000
FRN0.75E1S-2A	0.75	8,334,000	FRN0361E2S-4A	200	160	160	132	(*)
FRN1.5E1S-2A	1.5	10,754,000	FRN0415E2S-4A	220	200	200	160	(*)
FRN2.2E1S-2A	2.2	11,627,000	FRN0520E2S-4A	280	220	220	200	(*)
FRN3.7E1S-2A	3.7	13,612,000	FRN0590E2S-4A	315	250	280	220	(*)
FRN5.5E1S-2A	5.5	19,772,000	Note: - ND (Normal duty): Tải nhẹ (Bơm, Quạt), khả năng quá tải 120%-1 phút, nhiệt độ môi trường max. 40° - HD (Heavy duty): Tải nặng, khả năng quá tải 150%-1phút, nhiệt độ môi trường max. 40° - HND (High carrier frequency normal duty): Tải nhẹ (Bơm, Quạt), 150%/1 phút-200%/0,5s, NĐMT max. 50° - HHD (High carrier frequency heavy duty): Tải nặng, 150%/1 phút-200%/0,5s, nhiệt độ môi trường max. 50°					
FRN7.5E1S-2A	7.5	22,113,000	Đặc tính riêng: - Ngõ ra tần số: 0.1-120Hz. - Dây công suất: 0.75-710kW. - Mức chịu đựng quá tải: 110%- 1 phút. - Điều khiển đa cấp tốc độ: 8 cấp. - Chức năng tiết kiệm năng lượng và điều khiển PID. - Tích hợp các chức năng tốt nhất cho quạt, bơm, các hệ thống HVAC. - Tính năng giám sát điện năng. - Tích hợp sẵn bộ lọc nhiễu EMC Filter - Tích hợp sẵn cuộn kháng một chiều (DCR) - Tích hợp sẵn màn hình đa chức năng LCD - Tích hợp 2 cổng truyền thông RS-485.					
FRN11E1S-2A	11	31,061,000	Đặc tính riêng: - Ngõ ra tần số: 0.1-400Hz. - Dây công suất: 0.1-15kW. - Mức chịu đựng quá tải: 150%-1 phút, 200%-0.5 giây. - Điều khiển đa cấp tốc độ: 16 cấp - Chức năng tiết kiệm năng lượng và điều khiển PID. - Có thể tháo rời Keypad cho việc điều khiển từ xa. - Thích hợp cho những ứng dụng rộng rãi. - CPU 60 Mhz. - Chức năng điều khiển vị trí, tốc độ.					
FRN15E1S-2A	15	37,199,000						



FRENIC-MEGA SERIES		
MÃ HÀNG	CÔNG SUẤT MOTOR (kW)	ĐƠN GIÁ (VND)
Nguồn điện áp cung cấp: 3 Pha 380-480V 50/60Hz Ngõ ra điện áp: 3 Pha 380-480V 50/60Hz		
FRN0.4G1S-4A	0.4	13,783,000
FRN0.75G1S-4A	0.75	14,538,000
FRN1.5G1S-4A	1.5	15,616,000
FRN2.2G1S-4A	2.2	17,774,000
FRN3.7G1S-4A	3.7	18,313,000
FRN5.5G1S-4A	5.5	23,485,000
FRN7.5G1S-4A	7.5	26,020,000
FRN11G1S-4A	11	30,329,000
FRN15G1S-4A	15	35,992,000
FRN18.5G1S-4A	18.5	42,658,000
FRN22G1S-4A	22	54,448,000
FRN30G1S-4A	30	86,916,000
FRN37G1S-4A	37	107,218,000
FRN45G1S-4A	45	126,649,000
FRN55G1S-4A	55	138,244,000
FRN75G1S-4A	75	162,205,000
FRN90G1S-4A	90	205,418,000
FRN110G1S-4A	110	220,606,000
FRN132G1S-4A	132	263,571,000
FRN160G1S-4A	160	295,638,000
FRN200G1S-4A	200	354,052,000
FRN220G1S-4A	220	412,626,000
Nguồn điện áp cung cấp: 3 Pha 200-240V 50/60Hz Ngõ ra điện áp: 3 Pha 200-240V 50/60Hz		
FRN0.4G1S-2A	0.4	10,986,000
FRN0.75G1S-2A	0.75	12,518,000
FRN1.5G1S-2A	1.5	14,045,000
FRN2.2G1S-2A	2.2	15,931,000
FRN3.7G1S-2A	3.7	18,519,000
FRN5.5G1S-2A	5.5	24,025,000
Đặc tính riêng: - Ngõ ra tần số: 0.1-500 Hz. - Dây công suất: 0.2-630 kW. - Mức chịu đựng quá tải: 200%-3 giây, 150%-1 phút (HD mode), 120%-1 phút (LD mode). - Tích hợp sẵn RS-485. - Là dòng biến tần cao cấp. - Có thể tùy chọn Keypad với cổng - USB giúp tiết kiệm chi phí cài đặt, bảo trì. - Tích hợp sẵn bộ phanh tốc đến 22KW. - Tích hợp sẵn điện trở phanh đến 7.5KW. - Được tích hợp để có thể điều khiển cho nhiều ứng dụng bằng cách chọn Mode điều khiển.		

FRENIC-MINI SERIES		
MÃ HÀNG	CÔNG SUẤT MOTOR (kW)	ĐƠN GIÁ (VND)
Nguồn điện áp cung cấp: 1 Pha 200-240V 50/60Hz Ngõ ra điện áp: 3 Pha 200-240V 50/60Hz		
FRN0001C2S-7A	0.1	5,426,000
FRN0002C2S-7A	0.2	5,928,000
FRN0004C2S-7A	0.4	5,065,000
FRN0006C2S-7A	0.75	6,311,000
FRN0010C2S-7A	1.5	8,206,000
FRN0012C2S-7A	2.2	10,383,000
Nguồn điện áp cung cấp: 3 Pha 380-480V 50/60Hz Ngõ ra điện áp: 3 Pha 380-480V 50/60Hz		
FRN0002C2S-4A	0.4	8,010,000
FRN0004C2S-4A	0.75	9,061,000
FRN0005C2S-4A	1.5	9,708,000
FRN0007C2S-4A	2.2	10,787,000
FRN0011C2S-4A	3.7	13,268,000
FRN0013C2S-4A	5.5	(*)
FRN0018C2S-4A	7.5	(*)
FRN0024C2S-4A	11	(*)
FRN0030C2S-4A	15	(*)
Nguồn điện áp cung cấp: 3 Pha 200-240V 50/60Hz Ngõ ra điện áp: 3 Pha 200-240V 50/60Hz		
FRN0001C2S-2A	0.1	5,833,000
FRN0002C2S-2A	0.2	5,796,000
FRN0004C2S-2A	0.4	6,337,000
FRN0006C2S-2A	0.75	7,123,000
FRN0010C2S-2A	1.5	8,828,000
FRN0012C2S-2A	2.2	9,872,000
FRN0020C2S-2A	3.7	12,055,000
FRN0025C2S-2A	5.5	(*)
FRN0033C2S-2A	7.5	(*)
FRN0047C2S-2A	11	(*)
FRN0060C2S-2A	15	(*)
Đặc tính riêng: - Ngõ ra tần số: 0.1-400Hz. - Dây công suất: 0.1-3.7kW. - Momen khởi động: 150% hoặc lớn hơn. - Dễ dàng cài đặt tần số bằng biến trở có sẵn trên biến tần. - Mức chịu đựng quá tải: 150% - 1 phút, 200% - 0.5 giây. - Điều khiển đa cấp tốc độ: 8 cấp - Chức năng tiết kiệm năng lượng và điều khiển PID. - Vận hành đơn giản, thích hợp cho những ứng dụng rộng rãi. - Tính năng dễ dàng cho việc bảo trì. - Tích hợp sẵn cổng giao tiếp RS-485 - Chức năng điều khiển động cơ đồng bộ (PMSM) - Kết nối với màn hình rời thông qua cổng RS-485		



FRENIC-HVAC SERIES		
MÃ HÀNG	CÔNG SUẤT MOTOR (kW)	ĐƠN GIÁ (VND)
Nguồn điện áp cung cấp: 3 Pha 380-480V 50/60Hz Ngõ ra điện áp: 3 Pha 380-480V 50/60Hz		
FRN0.75AR1M-4A	0.75	16,390,000
FRN1.5AR1M-4A	1.5	16,645,000
FRN2.2AR1M-4A	2.2	18,099,000
FRN3.7AR1M-4A	3.7	20,429,000
FRN5.5AR1M-4A	5.5	22,857,000
FRN7.5AR1M-4A	7.5	24,348,000
FRN11AR1M-4A	11	26,833,000
FRN15AR1M-4A	15	31,006,000
FRN18.5AR1M-4A	18.5	36,025,000
FRN22AR1M-4A	22	41,570,000
FRN30AR1M-4A	30	77,766,000
FRN37AR1M-4A	37	87,997,000
FRN45AR1M-4A	45	105,264,000
FRN55AR1M-4A	55	122,673,000
FRN75AR1M-4A	75	148,199,000
FRN90AR1M-4A	90	178,491,000
FRN110AR1S-4A	110	241,666,000
FRN132AR1S-4A	132	252,874,000
FRN160AR1S-4A	160	300,787,000
FRN200AR1S-4A	200	339,383,000
Đặc tính riêng: - Ngõ ra tần số: 0.1-120Hz. - Dây công suất: 0.75-710kW. - Mức chịu đựng quá tải: 110%- 1 phút. - Điều khiển đa cấp tốc độ: 8 cấp. - Chức năng tiết kiệm năng lượng và điều khiển PID. - Tích hợp các chức năng tốt nhất cho quạt, bơm, các hệ thống HVAC. - Tính năng giám sát điện năng. - Tích hợp sẵn bộ lọc nhiễu EMC Filter - Tích hợp sẵn cuộn kháng một chiều (DCR) - Tích hợp sẵn màn hình đa chức năng LCD - Tích hợp 2 cổng truyền thông RS-485.		

FRENIC-AQUA SERIES		
MÃ HÀNG	CÔNG SUẤT MOTOR (kW)	ĐƠN GIÁ (VND)
Nguồn điện áp cung cấp: 3 Pha 380-480V 50/60Hz Ngõ ra điện áp: 3 Pha 380-480V 50/60Hz		
FRN0.75AQ1M-4A	0.75	18,029,000
FRN1.5AQ1M-4A	1.5	18,309,000
FRN2.2AQ1M-4A	2.2	19,909,000
FRN3.7AQ1M-4A	3.7	22,472,000
FRN5.5AQ1M-4A	5.5	25,143,000
FRN7.5AQ1M-4A	7.5	26,783,000
FRN11AQ1M-4A	11	29,516,000
FRN15AQ1M-4A	15	34,107,000
FRN18.5AQ1M-4A	18.5	39,628,000
FRN22AQ1M-4A	22	45,727,000
FRN30AQ1M-4A	30	85,543,000
FRN37AQ1M-4A	37	96,797,000
FRN45AQ1M-4A	45	115,791,000
FRN55AQ1M-4A	55	134,940,000
FRN75AQ1M-4A	75	163,018,000
FRN90AQ1M-4A	90	196,340,000
FRN110AQ1S-4A	110	223,376,000
FRN132AQ1S-4A	132	243,379,000
FRN160AQ1S-4A	160	269,384,000
FRN200AQ1S-4A	200	329,396,000
Đặc tính riêng: - Ngõ ra tần số: 0.1-120Hz. - Dây công suất: 0.75-710kW. - Mức chịu đựng quá tải: 110%-1 phút. - Điều khiển đa cấp tốc độ: 8 cấp. - Chức năng tiết kiệm năng lượng và điều khiển PID. - Tích hợp các chức năng tốt nhất cho các ứng dụng trong ngành nước, xử lý nước, thủy lợi. - Tính năng cho điều khiển bơm nước điều áp (điều khiển đa bơm). - Tính năng giám sát điện năng. - Tích hợp sẵn bộ lọc nhiễu EMC Filter - Tích hợp sẵn cuộn kháng một chiều - Tích hợp sẵn màn hình đa chức năng LCD - Tích hợp 2 cổng truyền thông RS-485.		



Bộ hãm



AC Reactor



DC Reactor



Điện trở hãm



Keypad

PHỤ KIỆN CHO BIẾN TẦN			PHỤ KIỆN CHO BIẾN TẦN		
MÃ HÀNG	KW	ĐƠN GIÁ (VND)	MÃ HÀNG	KW	ĐƠN GIÁ (VND)
Điện trở hãm			DC Reactor (DCR) 400V series		
RXG20-1000W 70RJ	5.5kW	481,000	DCR4-0.4	0.4	1,541,000
RXG20-1200W 50RJ	7.5kW	577,000	DCR4-0.75	0.75	1,809,000
RXG20-1500W 70RJ	5.5kW	692,000	DCR4-1.5	1.5	1,993,000
RXG20-1800W 50RJ	7.5kW	750,000	DCR4-2.2	2.2	2,170,000
ZX37-15/1H	30kW	6,116,000	DCR4-3.7	3.7	2,530,000
ZX37-12/1H	37kW	6,160,000	DCR4-5.5	5.5	3,434,000
ZX37-10/1H	45kW	6,600,000	DCR4-7.5	7.5	3,526,000
ZX37-6.5/1H	75kW	7,260,000	DCR4-11	11	5,972,000
BRU-3.6KW 15R	30kW	3,500,000	DCR4-15	15	6,425,000
BRU-4.8KW 12R	37kW	5,500,000	DCR4-18.5	18.5	7,237,000
BRU-6KW 10R	45kW	6,300,000	DCR4-22A	22	7,329,000
BRU-7.2KW 7.5R	55kW	6,930,000	DCR4-30B	30	13,410,000
BRU-9.6KW 6.5R	75kW	8,630,000	DCR4-37B	37	14,557,000
BRU-12KW 4.7R	90kW	9,420,000	DCR4-45C	45	15,350,000
BRU-12KW 4.7R	110kW	9,420,000	DCR4-55C	55	18,413,000
Bộ Hãm - Braking Unit (Standard) 400V Series			DCR4-75C	75	13,458,000
BU37-4C	30	23,118,000	DCR4-90C	90	16,763,000
BU37-4C	37	23,118,000	DCR4-110C	110	20,384,000
BU55-4C	45	36,889,000	DCR4-132C	132	23,532,000
BU55-4C	55	36,889,000	DCR4-160C	160	26,050,000
BU90-4C	75	48,308,000	DCR4-200C	200	29,119,000
BU90-4C	90	48,308,000	DCR4-220C	220	33,054,000
BU132-4C	110	65,874,000	AC Reactor (ACR) 400V series		
BU132-4C	132	65,874,000	ACR4-0.75A	0.75	6,796,000
BU220-4C	160	96,615,000	ACR4-1.5A	1.5	7,219,000
BU220-4C	200	96,615,000	ACR4-2.2A	2.2	7,649,000
BU220-4C	220	96,615,000	ACR4-3.7A	3.7	8,495,000
BU220-4C	280	96,615,000	ACR4-5.5A	5.5	9,348,000
BU220-4C	315	96,615,000	ACR4-7.5A	7.5	10,194,000
BU220-4C	355	96,615,000	ACR4-11A	11	11,470,000
Keypad (Bàn Phím)			ACR4-15A	15	12,746,000
MÃ HÀNG	ỨNG DỤNG CHO BIẾN TẦN	ĐƠN GIÁ (VND)	ACR4-18.5A	18.5	14,016,000
TP-E1-U	Dùng cho biến tần Mega	1,654,000	ACR4-22A	22	15,292,000
TP-G1-J1	- Multi Function Keypad - Dùng cho tất cả biến tần	2,757,000			